

Phụ lục II

**THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó												
				Văn phòng Sở				Chi cục Bảo vệ Môi trường		Chi cục Quản lý đất đai			Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
	TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI NSNN	43.399	38.296	7.197	600	1.359	95	3.009	1.932	2.920	1.458	40	2.548	12.842	4.296	
I	SỐ THU CHI: LỆ PHÍ, PHÍ	13.532	13.532	617		-	-	1.160	-	30		-	-	11.725	-	
1	Số thu phí, lệ phí	13.532	13.532	617		-	-	1.160	-	30		-	-	11.725	-	
1.1	Lệ phí	1.260	1.260	440		-	-	-	-	-		-	-	820	-	
a	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	380	380	380												
b	Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển	60	60	60												
c	Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSH nhà ở	820	820											820		
1.2	Phí	12.272	12.272	177		-	-	1.160	-	30		-	-	10.905	-	
a	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	77	77	77												
b	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	100	100	100												
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	250	250					250								
d	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	600	600					600								
e	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định	300	300					300								
g	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	10	10					10								
h	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	30	30							30						
i	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	8.000	8.000											8.000		
k	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	2.700	2.700											2.700		
l	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	135	135											135		
m	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	70	70											70		
2	Số phí đơn vị được sử dụng	10.850	10.850	147		-	-	942	-	21	-	-	-	9.740	-	

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó												
				Văn phòng Sở				Chi cục Bảo vệ Môi trường		Chi cục Quản lý đất đai			Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
2.1	Chi quản lý hành chính	1.110	1.110	147		-	-	942	-	21		-	-	-	-	
2.1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.110	1.110	147	-	-	-	942	-	21						
a	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	77	77	77												
b	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	70	70	70												
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	63	63					63								
d	Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	600	600					600								
e	Phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định	270	270					270								
g	Phí thăm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	9	9					9								
h	Phí thăm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	21	21						21							
2.1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-													
2.2	Chi sự nghiệp kinh tế	9.740	9.740	-		-	-	-	-	-		-	-	9.740	-	
2.2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.740	9.740											9.740		
a	Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	7.200	7.200											7.200		
b	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	2.430	2.430											2.430		
c	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	68	68											68		
d	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	42	42											42		
2.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-													
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	2.682	2.682	470		-	-	218	-	9		-	-	1.985	-	
3.1	Lệ phí	1.260	1.260	440		-	-	-	-	-		-	-	820	-	
a	Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản	380	380	380												
b	Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển	60	60	60												
c	Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSH nhà ở	820	820											820		
3.2	Phí	1.422	1.422	30		-	-	218	-	9		-	-	1.165	-	
a	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	-	-	-												
b	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	30	30	30												
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	187	187					187								

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó												
				Văn phòng Sở				Chi cục Bảo vệ Môi trường		Chi cục Quản lý đất đai			Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
d	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	-	-					-								
e	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định	30	30					30								
g	Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	1	1					1								
h	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	9	9							9						
i	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	800	800											800		
k	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	270	270											270		
l	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	67	67											67		
m	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	28	28											28		
II	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	29.867	24.764	6.580	600	1.359	95	1.849	1.932	2.890	1.458	40	2.548	1.117	4.296	
1	Chi hành chính nhà nước (Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm)	12.372	11.319	6.580	-	-	-	1.849	-	2.890	-	-	-	-	-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.819	9.819	5.521	-	-	-	1.768	-	2.530	-	-	-	-	-	
	- Quản lý nhà nước. Trong đó:	9.819	9.819	5.521	-	-	-	1.768	-	2.530	-	-	-	-	-	-
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với biên chế được giao	7.244	7.244	4.176				1.200		1.868						
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với hợp đồng theo ND 68	479	479	264				77		138						
	+ Kinh phí hoạt động	2.096	2.096	1.081				491		524						
	Trong đó: Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (2)	231	231	119				54		58						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.500	1.500	1.059	-	-	-	81	-	360	-	-	-	-	-	
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động đăng bộ cơ sở	42	42	42												
	- Trang phục thanh tra	37	37	37												
	- Hỗ trợ cán bộ công chức làm việc tại Trung tâm hành chính công	6	6	6				-		-						
	- Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ tiếp công dân, xử lý đơn thư	13	13	13												
	- Kinh phí bồi dưỡng cho cán đối tượng được mời, triệu tập phối hợp tham gia tiếp công dân xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo	28	28	28												

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó												
				Văn phòng Sở			Chi cục Bảo vệ Môi trường		Chi cục Quản lý đất đai			Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú	
	- Hỗ trợ chi nghiệp vụ thanh, kiểm tra và các nhiệm vụ khác được UBND tỉnh giao	233	233	233												
	- Hội đồng thẩm định khoáng sản;	93	93	93												
	- Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản	153	153	153												
	- Tuyên truyền về tài nguyên nước và khí tượng thủy văn	138	138	138												
	- Tuyên truyền về biển và hải đảo	243	243	243												
	- Kinh phí hỗ trợ đi kiểm tra, khảo sát, làm việc với các địa phương, đơn vị về công tác bảo vệ môi trường	81	81	-				81								
	- Hỗ trợ chi thực hiện nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất và công tác được giao đột xuất	81	81	-						81						
	- Xác định giá đất cụ thể	263	263	-						263						
	- Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	89	89	73				-		16						
	- Sửa chữa trụ sở làm việc	1.053	-					-								
2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm)	9.130	5.080	-	600	-	-	-	1.932	-	-	-	2.548	-	-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.080	5.080	-	600	-	-	-	1.932	-	-	-	2.548	-	-	-
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	631	-	-	-
	+ Chi thường xuyên bộ máy. Trong đó:	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	631	-	-	-
	* Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với biên chế được giao	431	431										431			
	* Kinh phí hoạt động	200	200										200			
	Trong đó: Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (2)	20	20										20			
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.449	4.449	-	600	-	-	-	1.932	-	-	-	1.917	-	-	-
	+ Kinh phí nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định	600	600		600											
	+ Nghiệp vụ bảo vệ môi trường và giám sát môi trường, đa dạng sinh học. Trong đó:	3.849	3.849	-	-	-	-	-	1.932	-	-	-	1.917			

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó												
				Văn phòng Sở				Chi cục Bảo vệ Môi trường		Chi cục Quản lý đất đai			Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
	* Phối hợp các Hội, đoàn thể tổ chức các hoạt động truyền thông hướng ứng các sự kiện: Ngày môi trường thế giới 5/6; Ngày Đa dạng sinh học 22/5; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn (3 đợt)	185	185						185							
	* Kiểm tra và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt	69	69						24				45			
	* Kiểm tra kiểm soát ô nhiễm theo kế hoạch	116	116						26				90			
	* Thanh kiểm tra đột xuất (Kiểm tra đột xuất theo phản ánh qua đường dây nóng và khiếu kiện)	150	150						15				135			
	* Kinh phí duy trì, vận hành hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải	4	4						4							
	* Tổ chức các lớp tập huấn về BVMT và bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp	58	58						58							
	* Xây dựng Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	810	810						810							
	* Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Bình Định giai đoạn 2024-2028	405	405						405							
	* Xây dựng mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn tại một địa phương	405	405						405							
	* Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định hàng năm	117	117										117			
	* Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định	450	450										450			
	* Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định	1.080	1.080										1.080			
	+ Chi thực hiện công tác bảo vệ môi trường (thực hiện phân bổ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền) (3)	4.050	-						-							
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó												
				Văn phòng Sở				Chi cục Bảo vệ Môi trường		Chi cục Quản lý đất đai			Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
3	Sự nghiệp kinh tế (Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm)	8.230	8.230	-	-	1.359	-	-	-	-	1.458	-	-	1.117	4.296	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.230	8.230	-	-	1.359	-	-	-	-	1.458	-	-	1.117	4.296	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (1)	2.596	2.596	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.596	
	+ Chi thường xuyên bộ máy. Trong đó:	2.596	2.596	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.596	
	* Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với biên chế được giao	2.020	2.020												2.020	
	* Kinh phí hoạt động	576	576												576	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (2)	58	58												58	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.634	5.634	-	-	1.359	-	-	-	-	1.458	-	-	1.117	1.700	-
	+ Khảo sát, lập sơ đồ cột mốc phục vụ việc cắm mốc hàng lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh	711	711	-		711										
	+ Điều tra, đánh giá và xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên địa bàn tỉnh	648	648			648										
	+ Thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể	1.458	1.458	-							1.458					
	+ Hỗ trợ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ thông tin, tư liệu về đất đai. Trong đó:	814	814	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	814	-	
	* Thuê bao đường truyền	227	227											227		
	* Chi phí sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng thiết bị máy chủ	107	107											107		
	* Tiền điện phục vụ máy chủ và kho lưu trữ	41	41											41		
	* Hỗ trợ phòng chống mối mọt kho lưu trữ, trang bị hồ sơ lưu trữ	439	439											439		
	+ Chi phục vụ thu phí, lệ phí (chi mua phôi giấy chứng nhận)	99	99											99		
	+ Triển khai công tác thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định	84	84											84		

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó												
				Văn phòng Sở				Chi cục Bảo vệ Môi trường		Chi cục Quản lý đất đai			Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Ghi chú
	+ Bảo trì, cập nhật, nhuận bút trang thông tin điện tử (website)	73	73											73		
	+ Lập bản tin tài nguyên và môi trường	47	47											47		
	+ Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	-	-											-		
	+ Phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất	900	900												900	
	+ Chi quy hoạch: Quỹ đất phía Tây Nam khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa	800	800												800	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-		-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
4	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề (Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm)	135	135	-	-	-	95	-	-	-	-	40	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	135	135	-		-	95	-	-	-	-	40	-	-	-	-
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-		-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	135	135	-	-	-	95	-	-	-	-	40	-	-	-	-
	+ Kinh phí tập huấn nghiệp vụ	40	40									40				
	+ Trợ cấp cho công chức được cử đi học	95	95				95					-				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-		-		-	-	-		-	-	-	-	-
5	Số thu được để lại theo chế độ quy định để thực hiện nhiệm vụ làm lương năm 2023	535	535	58				376		8			91		2	